

Nmark

Máy in nhiệt C898F

Bản tiếng Việt (dịch từ bản tiếng Anh)

Máy in nhiệt — bảng thông số kỹ thuật

Thông số kỹ thuật

Thông số

Giá trị

Mẫu máy

C898F

Chiều rộng in

Không quá 104 mm

Chiều rộng vật liệu

40–110 mm

Chiều dài in

10–500 mm

Đường kính ngoài cuộn tối đa

110 mm

Cảm biến vật liệu

Cảm biến khe hở

Nhiệt độ hoạt động

5 °C – 50 °C

Độ ẩm hoạt động

25% – 85% RH (không ngưng tụ)

Nhiệt độ bảo quản

–20 °C – 60 °C

Độ ẩm bảo quản

10% – 90% RH (không ngưng tụ)

Độ phân giải

203 dpi

Loại mã vạch

Code 39, Code 39 Ext, Code 128, ITF25, Code 25, Matrix 25, EAN-8/13, UPC A/E, Codabar, Code 93, Code One, Code 49, Code 16K

Phông chữ

Nmark0, Nmark1, Nmark2, Nmark3, Nmark4, Nmark5, SimHei, Times Roman, Arial

CPU

CPU 32 bit

Tốc độ in

Tối đa 5 inch/giây

Kích thước

220 mm (D) × 180 mm (R) × 170 mm (C)

Trọng lượng

0.9 kg

Ngôn ngữ lập trình

NPL, tương thích với TPCL/TSPL

Bộ nhớ

RAM: 16 M ROM: 16 M

Chế độ hoạt động

Lô / Nhãn / Cắt

Đầu in

Kiểu ép phẳng

Chế độ in

In nhiệt trực tiếp

Giao diện

USB; tùy chọn: Bluetooth, Wi-Fi, cổng nối tiếp

Loại mã 2D

QR code, DataMatrix, PDF417, Maxicode, MicroPDF417

Phụ kiện

Cáp USB, bộ chuyển đổi nguồn DC, dao cắt (tùy chọn), hướng dẫn sử dụng

Vật liệu in

- Giấy in hóa đơn nhiệt (giấy bill nhiệt)
- Giấy nhãn keo dán in nhiệt
- Tăm nhãn nhiệt
- Vé biểu diễn / vé vào cổng

Ứng dụng

- Y tế — nhãn xét nghiệm, vòng đeo tay bệnh nhân và ngân hàng máu; quét thông tin bệnh nhân và thuốc giúp nâng cao hiệu quả điều trị, hạn chế sai sót.
- Bán lẻ siêu thị — nhãn hàng hóa và nhãn giá, hiện đại hóa công tác quản lý và đẩy nhanh lưu chuyển hàng hóa.
- Kho bãi — quản lý hệ thống hóa hàng nghìn loại hàng hóa nhờ nhận dạng tự động.

- Vé — vé xem phim và vé vào công viên.